

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 25 - 5 - 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Bà Châu Thanh Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:***
Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự;

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, Quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần M – Giám đốc Chi nhánh An Giang – Sacombank. (Theo giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07 tháng 5 năm 2020).

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần M: Ông Lê M – Phó phòng giao dịch T – Chi nhánh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2020). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 82 Trần Hưng Đạo, thị trấn T T, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 07, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê M trình bày:

Vào ngày 10/12/2019 Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch T có ký với ông Nguyễn H hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) số 01192 – 00129. Theo hợp đồng Phòng giao dịch T có cho ông H vay số tiền 25.000.000đ, với các điều kiện thỏa thuận như sau: Thời hạn vay 183 ngày. Mục đích mua bán heo quay. Phương thức trả nợ vốn gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ 183 kỳ. Kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ kể từ kỳ tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 11/12/2019. Các kỳ trả nợ tiếp theo hàng ngày. Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng là ngày 10/6/2020. Số tiền trả mỗi kỳ 154.000đ. Số tiền trả cuối kỳ 130.630đ. Lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên vay phải trả cho Ngân hàng là 25,2%/năm, tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng. Dư nợ tính đến ngày 28/9/2020 là 18.148.600đ. Trong quá trình giao dịch thì ông H đã vi phạm nghiêm trọng đến hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cố gắng thương lượng nhưng khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền ông H còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/5/2021 là 24.425.343đ (Trong đó: Vốn gốc 16.114.500đ, lãi trong hạn 5.540.562đ, lãi quá hạn 2.770.281đ).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết: Buộc ông Nguyễn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn, lãi là 24.425.343đ và Ngân hàng được tiếp tục tính lãi từ ngày 26/5/2021 cho đến khi ông Nguyễn H trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Hùng: Không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn

được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bị đơn ông H trả tổng tiền vốn và lãi suất tính đến ngày xét xử cho Ngân hàng là 24.425.343đ, lãi suất tiếp tục phát sinh theo hợp đồng và các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm theo hợp đồng đã ký kết. Bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Thời điểm các đương sự xác lập hợp đồng tín dụng số 01192 – 00129 ngày 10/12/2019, nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn H trú tại khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 22 tháng 01 năm 2021, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Bị đơn ông H đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H.

[1.3] Về thủ tục ủy quyền: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ủy quyền cho ông Lê M theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 10 năm 2020 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.4] Về chứng cứ chứng minh: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 199/TB-TLVA ngày 30 tháng 12 năm 2020 cùng các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn ông Nguyễn H. Nhưng ông H không cung cấp các tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả vốn vay số tiền 16.114.500đ theo hợp đồng tín dụng số 01192 – 00129 ngày 10/12/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh heo quay. Thời hạn vay 183 ngày. Phương thức trả nợ vốn gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: Số kỳ trả nợ 183 kỳ. Kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ kể từ kỳ tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 11/12/2019. Các kỳ trả nợ tiếp theo

hàng ngày. Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ được trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng là ngày 10/6/2020. Số tiền trả mỗi kỳ 154.000đ. Số tiền trả cuối kỳ 130.630đ. Lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà bên vay phải trả cho Ngân hàng là 25,2%/năm, tương đương với lãi suất thực tế của khoản vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng. Xét thấy, các đương sự hoàn toàn tự nguyện xác lập hợp đồng tín dụng và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 119; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn H là có thật và hợp pháp.

Quá trình vay vốn ông Nguyễn H có trả tiền vốn là 8.885.500đ, lãi 1.124.500đ cho Ngân hàng, nhưng tính đến ngày 12/01/2020 thì ngưng không trả vốn, lãi cho đến nay.

[2.2] Về lãi suất: Căn cứ hợp đồng tín dụng (không áp dụng cho phương thức hạn mức) số 01192 – 00129 ngày 10/12/2019 thì ông H là người vay đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán làm phát sinh thêm khoản nợ quá hạn nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng vốn, lãi theo hợp đồng đã ký kết. Số tiền ông H còn nợ Ngân hàng tạm tính lãi suất từ ngày 12/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/5/2021 là 24.425.343đ (Trong đó: Vốn gốc 16.114.500đ, lãi trong hạn 5.540.562đ, lãi quá hạn 2.770.281đ). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H trả số tiền vốn, lãi 24.425.343đ (tạm tính đến ngày 25/5/2021) là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

Đồng thời, ông Nguyễn H còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01192 – 00129 ngày 10/12/2019 đã ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch T trên số dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 26/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ của hợp đồng tín dụng trên.

[2.3] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

[3.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 454.000đ đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000673 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[3.2] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông H phải chịu 1.221.267đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 86; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 116; khoản 1 Điều 119; Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với vốn vay và lãi đến ngày 25/5/2021 là 24.425.343đ.

[2] Buộc bị đơn ông Nguyễn H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền vốn là 16.114.500đ và tiền lãi phát sinh đến hết ngày 25/5/2021 lãi trong hạn 5.540.562đ, lãi quá hạn 2.770.281đ.

[3] Kể từ ngày 26/5/2021 ông Nguyễn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01192 – 00129 ngày 10/12/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn H phải chịu 1.221.267đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S được chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 454.000đ đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000673 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THA huyện Tri Tôn;
- Đương sự (Đề thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

